

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN NAM ĐÀN  
TỈNH NGHỆ AN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 38/2023/HNGĐ-ST

Ngày 29 - 8 - 2023

V/v: Ly hôn.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NAM ĐÀN, TỈNH NGHỆ AN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Lại.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Thanh Bình.

Ông Nguyễn Quang Xuyên.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Thu Trang - Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa:** Ông Đặng Trường Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 105/2023/TLST-HNGĐ, ngày 19 tháng 5 năm 2023 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 25 tháng 7 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 63/2023/QĐST-HNGĐ, ngày 11 tháng 8 năm 2023; giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Hà Văn T, sinh năm 1973. Địa chỉ: Khôi M, thị trấn NĐ, huyện NĐ, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1975. Địa chỉ: Khôi M, thị trấn NĐ, huyện NĐ, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 19/5/2023, bản tự khai, lời khai trong quá trình thu thập chứng cứ, nguyên đơn ông Hà Văn T trình bày: Nguyên đơn và bị đơn bà Nguyễn Thị X chung sống với nhau từ năm 1993 nhưng không có đăng ký kết hôn do hai bên không cùng tôn giáo. Việc chung sống với nhau hoàn toàn

tự nguyện. Nguyên đơn và bị đơn chung sống hạnh phúc bình thường được 24 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bà Nguyễn Thị X đam mê cờ bạc, không chung thủy, bỏ bê gia đình. Hai bên gia đình và khối xóm đã nhiều lần phân tích, khuyên giải nhưng bà Nguyễn Thị X không thay đổi. Từ năm 2020 đến nay, vợ chồng không quan tâm nhau, không yêu thương nhau, không chung sống với nhau. Bà Nguyễn Thị X biết nguyên đơn yêu cầu ly hôn nhưng cố tình không có mặt và yêu cầu nguyên đơn tự giải quyết. Nguyên đơn thấy không thể tiếp tục chung sống với bị đơn nên đề nghị Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa nguyên đơn với bà Nguyễn Thị X. Về con chung: Nguyên đơn và bà Nguyễn Thị X có 03 con chung là Hà Mạnh T, sinh ngày 26 tháng 8 năm 1994; Hà Thị Ngọc H, sinh ngày 22 tháng 10 năm 1998 và Hà Mạnh K, sinh ngày 11 tháng 8 năm 2000. Các con chung đã đủ tuổi trưởng thành nên nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Nguyễn Thị X cư trú tại thị trấn NĐ, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An. Tòa án đã tiến hành thụ lý, giải quyết vụ án theo trình tự thủ tục chung và tiến hành tổng đạt các Thông báo cho bà Nguyễn Thị X theo quy định nhưng bà Nguyễn Thị X vắng mặt nên Tòa án không thu thập được lời khai và tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền; xác định đúng quan hệ tranh chấp; trong quá trình điều tra thu thập chứng cứ, Thẩm phán chấp hành đúng quy định tại Điều 48 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Quá trình thu thập chứng cứ, thủ tục tổng đạt đảm bảo quyền lợi cho các đương sự. Về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử đã thực hiện theo đúng trình tự quy định từ Điều 239 đến Điều 260 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của Thư ký phiên tòa được thực hiện theo đúng quy định tại Điều 51 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, Điều 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Áp dụng Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, đề nghị Hội đồng xét xử: Về tình cảm: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa

ông Hà Văn T và bà Nguyễn Thị X. Về con chung: Các con chung đã trưởng thành nên đề nghị không xem xét. Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1.1]. Về thẩm quyền: Ông Hà Văn T yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng với bà Nguyễn Thị X có địa chỉ cư trú tại thị trấn NĐ, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An. Đây là tranh chấp khác về hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An theo quy định khoản 8 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2]. Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa, nguyên đơn vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là có căn cứ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về áp dụng pháp luật nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn và kết quả xác minh tại UBND thị trấn NĐ, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An và UBND xã HL, huyện HN, tỉnh Nghệ An xác định: Ông Hà Văn T và bà Nguyễn Thị X chung sống như vợ chồng từ năm 1993 đến nay nhưng không đăng ký kết hôn. Do mâu thuẫn trong cuộc sống nên từ năm 2020 đến nay, ông Hà Văn T và bà Nguyễn Thị X không tiếp tục chung sống với nhau. Như vậy, ông Hà Văn T và bà Nguyễn Thị X có đủ điều kiện kết hôn và chung sống với nhau từ năm 1993 đến nay nhưng không đăng ký kết hôn nên không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Ông Hà Văn T yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng với bà Nguyễn Thị X. Căn cứ vào Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10, ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Hà Văn T và bà Nguyễn Thị X.

[2.2]. Về con chung: Ông Hà Văn T và bà Nguyễn Thị X có 03 con chung là Hà Mạnh T, sinh ngày 26 tháng 8 năm 1994; Hà Thị Ngọc H, sinh ngày 22 tháng 10 năm 1998 và Hà Mạnh K, sinh ngày 11 tháng 8 năm 2000. Hiện các con chung đã thành niên, có quyền tự lựa chọn nghề nghiệp, nơi cư trú, học tập, nâng cao trình độ văn hóa, chuyên môn, nghiệp vụ, tham gia hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội theo nguyện vọng và khả năng của mình theo quy định tại khoản 4 Điều 70 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3]. Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau có phát sinh tranh chấp thì các đương sự có quyền khởi kiện đến Tòa án bằng vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[3]. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định của pháp luật.

[4]. Các đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10, ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53, khoản 4 Điều 70 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hà Văn T.

1.1. Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Hà Văn T và bà Nguyễn Thị X.

1.2. Về con chung: Ông Hà Văn T và bà Nguyễn Thị X có 03 con chung là Hà Mạnh T, sinh ngày 26 tháng 8 năm 1994; Hà Thị Ngọc H, sinh ngày 22 tháng 10 năm 1998 và Hà Mạnh K, sinh ngày 11 tháng 8 năm 2000. Hiện các con chung đã thành niên, có quyền tự lựa chọn nghề nghiệp, nơi cư trú, học tập, nâng cao trình độ văn hóa, chuyên môn, nghiệp vụ, tham gia hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội theo nguyện vọng và khả năng của mình.

1.3. Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau có phát sinh tranh chấp thì các đương sự có quyền khởi kiện đến Tòa án bằng vụ án khác theo quy định của pháp luật.

2. Về án phí: Ông Hà Văn T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004979, ngày 19 tháng 5 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An. Ông Hà Văn T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện Nam Đàn;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA; VPTA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(Đã ký)**

**Nguyễn Thị Lại**